

Số: /GPMT-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH BaKai tại Văn bản số 2901/CV-BAKAI ngày

29 tháng 01 năm 2026 về việc cấp giấy phép môi trường cho dự án “Sản xuất và kinh doanh rượu, đồ uống có cồn, đồ uống khác” tại lô TP1, CNS17 Cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 04 tháng 02. năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH BaKai, địa chỉ tại lô TP1, Cụm công nghiệp sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Sản xuất và kinh doanh rượu, đồ uống có cồn, đồ uống khác tại lô TP1, CNS17 Cụm công nghiệp sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Sản xuất và kinh doanh rượu, đồ uống có cồn, đồ uống khác.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô TP1, CNS17 Cụm công nghiệp sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 4202004910, đăng ký lần đầu ngày 17/07/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Khánh Hòa cấp.

1.4. Mã số thuế: 4202004910.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh rượu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 25.980 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này: Công suất 06 triệu lít rượu/năm. Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất rượu của giai đoạn 1: Nguyên liệu → Làm sạch, tách

cuồng → Ép → Nước ép, dịch trái cây → Chuẩn bị cho lên men → Khu vực lên men → Chung cất → Phòng trung chuyển → Kho → Khu vực pha chế → Đóng chai → Kho thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất rượu của giai đoạn 2: Siro đường, siro trái cây → Chuẩn bị cho lên men → Khu vực lên men → Chung cất → Phòng trung chuyển → Kho → Khu vực pha chế → Đóng chai → Kho thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH BaKai được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH BaKai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi

trường, UBND xã Khánh Vĩnh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Dự án nêu trên; đồng thời bảo đảm rằng các nội dung và yêu cầu về bảo vệ môi trường được quy định tại các Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty TNHH Bakai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Khánh Vĩnh;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP+TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 40/QĐ-SNMMT ngày 07/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp sông Cầu để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường. Dự án đầu tư không thuộc đối tượng cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại (05 bể 2,65 m³; 03 bể 4,62 m³; 01 bể 07 m³) để xử lý sơ bộ trước khi theo đường ống HDPE D225 dẫn về bể trung gian của công trình xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh, rửa trái cây,... từ nhà xưởng được thu gom rồi dẫn về bể tiếp nhận (27,2 m³) của công trình xử lý nước thải bằng đường ống HDPE D225.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ bể chứa bã được thu gom về bể chứa (03 m³), rồi qua bể keo tụ, tạo bông (03 m³) để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về bể lắng của công trình xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công trình, thiết bị xử lý nước thải cho nguồn số 01, 02 và 03, tóm tắt quy trình công nghệ cụ thể như sau:

Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể lắng → Bể trung gian → Bể UASB → Bể hiếu khí → Bể màng MBR → Bể khử trùng → Hố ga đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp sông Cầu.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được

hướng dẫn.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên nạo vét các hố ga, mương dẫn để tránh việc tắc, nghẽn công trình xử lý nước thải.

- Lập nhật ký vận hành để giám sát theo dõi sự ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Định kỳ giám sát môi trường nước thải sau xử lý theo đúng quy định để đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình xử lý nước thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng, khi có thiết bị bị hỏng sẽ vận hành thiết bị dự phòng.

- Khi công trình xử lý nước thải gặp sự cố tại một trong các bể làm gián đoạn quá trình xử lý sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách tiến hành khắc phục sự cố theo quy trình đã ban hành.

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt chuẩn cho phép, dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Cụm công nghiệp sông Cầu; lưu chứa nước thải tạm tại các bể: bể chứa, bể tiếp nhận, bể điều hòa (100,9 m³) và tiến hành khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải sớm nhất. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ được bơm xử lý theo quy trình công nghệ xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm k² khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối của Cụm công nghiệp sông Cầu trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp sông Cầu, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả

² Được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi tầng sôi công suất 03 tấn hơi/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại vị trí có tọa độ X = 1356641; Y = 575642 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°), lô TP1, CNS17 Cụm công nghiệp sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả theo các thời điểm trong ngày khi lò hơi tầng sôi hoạt động.

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	≤ 60	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 300		
4	CO	mg/Nm ³	≤ 350		

Ghi chú: Thiết bị xả khí thải công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh khối dạng rắn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi tầng sôi được thu gom dẫn vào hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Công trình, thiết bị xử lý khí thải cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ lò hơi tầng sôi → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone lọc bụi → Hệ Ventury → Tháp lọc → Ống khói 18 m → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải tại khu vực xử lý.

- Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải để giám sát theo dõi sự ổn định của hệ thống xử lý khí thải.

- Trường hợp thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường khi xả thải, dừng vận hành hệ thống; kiểm tra các thiết bị để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng (kể từ thời điểm hoàn thành lắp đặt công trình xử lý khí thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải lò hơi tầng sôi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí.

- Vị trí lấy mẫu tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi tầng sôi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, triệt để khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi tầng sôi để xử

lý, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị tại nhà vận hành công trình xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng công suất 150 KVA.
- Nguồn số 03: Vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất.
- Nguồn số 04: Hoạt động của Tháp giải nhiệt.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	Không	Khu vực E

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	75	70	Không	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Vệ sinh, bảo trì tra dầu mỡ cho các máy móc, thiết bị để giảm ma sát gây tiếng ồn lớn.
- Máy phát điện dự phòng sử dụng máy trần, cách âm và cách nhiệt, được đặt trên móng bê tông, thường xuyên được bảo dưỡng.
- Máy móc thiết bị như dây chuyền sản xuất, máy bơm, máy thổi khí được

mua mới 100% chất lượng đảm bảo. Máy bơm được đặt trên chân đế bằng cao su hạn chế rung và ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị kịp thời sửa chữa thay thế, siết chặt ốc, vít lỏng hạn chế rung và ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 02
năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03); Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (18 02 01); Pin, ắc quy thải (16 01 12); Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (16 01 06); Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ) (14 01 05); Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại (16 01 09); Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (18 01 04); Pin mặt trời thải (19 02 08). Khối lượng khoảng 100 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chất thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh, tẩy rửa và sơ chế ép cơ học; Chất thải phát sinh từ hoạt động chung cất rượ; Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hỏng; Bao bì thủy tinh (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải; Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác; Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ; Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi khác với các loại trên; Bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải. Khối lượng khoảng 28.160 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 39,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 5 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít/thùng.

- Kho lưu chứa trong nhà đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Diện tích: 4,13 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, dung

tích từ 120 lít/thùng.

- Kho lưu chứa trong nhà đáp ứng các yêu cầu quy định theo khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT: Diện tích: 10 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng rác bằng nhựa HDPE 120 lít, có nắp đậy, chịu được va đập mạnh tại các khu vực của nhà máy như khối văn phòng, kho, xưởng sản xuất... Hằng ngày, nhân viên thu gom và phân loại, vận chuyển về kho lưu chứa.

- Kho lưu chứa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Diện tích 4,02 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.